

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-ST

Ngày: 22/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2023/TLST - HS ngày 30/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST - HS ngày 08/12/2023 đối với các bị cáo:

1. Chu Văn L, sinh năm 1998; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú trước khi bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Chu Văn L1 và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Cù Thị Hồng N và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân: Ngày 15/8/2019 Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe của người khác*”. Ngày 16/8/2019 L chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 15/4/2023; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (có mặt)

2. Cù Thị Hồng N, sinh năm 2001; giới tính: Nữ; nơi đăng ký thường trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Cù Huy L2 và bà Đỗ Thị L3; có chồng là Chu Văn L và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2023 đến ngày 15/4/2023; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (có mặt)

3. Trần Văn Ng, sinh năm 2000; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đới, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở trước khi bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị Đ; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 15/4/2023; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (có mặt)

* **Người bị hại:** Chị Lang Kiều O, sinh ngày 28/9/2005, nơi đăng ký thường trú: Bản P, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị O:** Ông Nguyễn Văn T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam. (có mặt)

* **Những người làm chứng:** Anh Khiếu Minh T, sinh năm 1996; chị Lương Thị N1, sinh ngày 29/11/2005; chị Lương Thị H, sinh năm 2004; chị Lò Thị Th, sinh năm 2002; chị Lò Thị Th1, sinh năm 2004. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2021 vợ chồng bị cáo Chu Văn L và Cù Thị Hồng N làm công việc nuôi ăn và điều các nữ nhân viên đến phục vụ tại các quán hát karaoke. Từ khoảng tháng 9/2021, chị Lang Thị Kiều O về làm nhân viên quán hát cho vợ chồng bị cáo L - N. Tháng 7/2022, vợ chồng bị cáo L - N thuê nhà trọ tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam để làm nơi quản lý và nơi ở cho các nữ nhân viên phục vụ tại các quán hát karaoke. Ngoài ra vợ chồng bị cáo L - N còn thuê bị cáo Trần Văn Ng làm người đưa đón các nhân viên nữ đến phục vụ tại các quán hát.

Đêm ngày 05/4/2023, rạng sáng ngày 06/4/2023, vợ chồng N, L chỉ đạo Ng chở chị O cùng chị Lương Thị N1 (thường gọi là M) đến phục vụ tại quán hát karaoke Nice ở thị trấn B huyện B. Đến khoảng 04 giờ ngày 06/4/2023, Ng đến đón chị N1 về phòng trọ, còn chị O báo với vợ chồng N, L tiếp tục ở lại phục vụ tại quán hát karaoke Nice, tuy nhiên sau đó chị O đã đi chơi cùng một người thanh niên tên là T (hiện không xác định được tên tuổi cụ thể) ở thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, chị O đi về quán karaoke Nice thì được vợ chồng N, L đón về nhà trọ thuộc thôn x, xã A, huyện B. Trên đường đi về, do bức tức về việc chị O tự ý đi chơi với khách mà chưa xin phép, L đã nảy sinh ý định đánh chị O để dằn mặt và răn đe các nhân viên khác, sau đó đòi tiền mà chị O đã nợ vợ chồng N, L từ trước.

Về đến chỗ trọ lúc này khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, L chửi chị O: “Đ mẹ mày, mày đi chơi với khách mày định lừa vợ chồng tao à” đồng thời dùng tay tát 02 nhát vào mặt chị O và nói: “Đ mẹ mày, mày ở lại làm ăn cho đảng hoàng, một là ở lại làm thanh toán số nợ cho vợ chồng tao, hai là thanh toán nợ cho vợ

chồng tao rồi muốn đi đâu thì đi” nhưng chị O không nói gì. L tiếp tục cầm dép đập khoảng 2-3 nhát vào đầu chị O thì chị O cúi đầu xuống và lấy hai tay ôm đầu. L tiếp tục vừa chửi vừa dùng chân dẫm 1-2 nhát vào đầu chị O. Thấy L đánh chị O liên tiếp như vậy, N đến can ngăn L không cho đánh nữa. Sau đó, L chửi và nói với chị O: “Đ mẹ mày, một là mày ở lại làm tử tế để trả nợ cho vợ chồng tao, hai là thanh toán nợ rồi muốn đi đâu thì đi”. Sau đó, L đi ra ngoài phòng hút thuốc, còn chị O nằm ra giường ôm đầu, một lát sau N gọi chị O ngồi dậy nói chuyện và chị O đã kể với N về việc đi chơi với khách ở thành phố Phủ Lý. N nói với chị O: “Nếu muốn làm tiếp thì phải làm cho tử tế nếu không thì trả hết nợ rồi muốn đi đâu thì đi” nhưng chị O không trả lời. Một lúc sau, N tiếp tục hỏi chị O: “Muốn ở lại làm hoặc đi” thì chị O xin nghỉ hẳn và nói sẽ có người đến trả nợ cho vợ chồng N, L. Sau đó N mang quyển sổ đã ghi những khoản tiền mà chị O và các nhân viên khác vay và ứng tiền của vợ chồng N, L để đọc cho chị O nghe các khoản tiền đã vay và ứng tiền từ trước đến thời điểm xảy ra vụ việc, còn nợ tổng cộng số tiền là 27.000.000 đồng, N đưa sổ cho chị O xem nhưng chị O không xem. Lúc này, L đi từ bên ngoài vào trong phòng, L đưa giấy và bút cho chị O để yêu cầu viết giấy vay tiền, L đã đọc cho chị O viết giấy vay tiền với nội dung “A ngày 06 - 4 - 2023 tên tôi là Lang Kiều O nay tôi có vay của chị Cù Thị Hồng N với số tiền 27.000.000 đồng, tôi viết giấy vay tiền trong trạng thái tỉnh táo, không bị ai ép buộc”. Sau khi chị O viết xong, vợ chồng N, L bảo các nhân viên khác ký tên chứng kiến vào giấy vay tiền. Sau đó, N nhớ ra chị O còn nợ số tiền 2.900.000 đồng, nên giữa N và chị O thống nhất tổng số tiền nợ là 29.900.000 đồng, nhưng do đã viết giấy vay nợ nên N không bắt chị O viết lại nữa. Chị O nói với vợ chồng N, L là đến 13 giờ sẽ có người đến đón và trả nợ hộ cho chị O. Đến gần 13 giờ nhưng không thấy ai đến, N hỏi người ta sắp đến đón chưa thì chị O xin đi và trả nợ dần nhưng N không đồng ý và bảo chị O gọi người đến trả nợ xong thì đi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N tiếp tục hỏi chị O đã gọi người đến đón chưa thì chị O xin khát đến 7 - 8 giờ tối nhưng N không đồng ý. N bảo O nếu 7 - 8 giờ tối mới có người đến đón thì bảo người ta chuyển trước 10 triệu đồng trả nợ. Đến khoảng hơn 15 giờ cùng ngày, do sợ chị O trốn mất, khi thấy Ng vừa ngủ dậy ở phòng trọ bên cạnh, vợ chồng N, L bảo Ng trông giữ chị O ở trong phòng, không cho bỏ trốn. Ng đã khóa cửa lại và ngồi ở bên ngoài trông chị O còn L và N rời khỏi nhà trọ. Trong quá trình bị giữ lại ở trong nhà trọ, chị O đã nhắn tin cho anh Khiếu Minh T và nhờ T đến đón. Anh T đã trình báo Công an huyện B về sự việc trên.

Ngay sau khi tiếp nhận thông tin vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã phối hợp với Công an xã A tập trung xác minh, đến khoảng hơn 16 giờ cùng ngày 06/4/2023, đã xác định được nhà trọ nơi chị O bị giữ và tiến hành giải cứu, đồng thời đưa các đối tượng liên quan về trụ sở để làm việc.

Cùng ngày 06/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp; ra Quyết định tạm giữ, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Chu Văn L, Cù Thị Hồng N, Trần Văn Ng về hành vi “Giữ người trái pháp luật” quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự.

* Về các đồ vật, tài sản, tài liệu liên quan đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án: Thu giữ tại hiện trường nơi xảy ra sự việc: 01 chiếc khóa bằng kim loại màu đen, bạc KT (9,5x6,5x2,3)cm, một mặt có chữ nổi “*Việt - Tiếp*”, một mặt có chữ nổi “*LOCK*”, tại ổ khóa có cắm một chìa khóa bằng kim loại sáng màu, có chữ nổi “*Việt - Tiếp*”; 01 chiếc dép chân phải bằng nhựa màu xanh KT (24x9,5)cm, mặt trên có chữ nổi “*VIP*”, mặt đế dép có chữ “*VC38*”; 01 chiếc dép chân trái bằng nhựa màu vàng nâu KT (23,5x9)cm, mặt trên có chữ nổi “*VIP*”, mặt đế dép có chữ “*37-38*”.

- Thu giữ của Chu Văn L: 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 03628583xx. 01 xe ô tô BKS 90A-187.xx, nhãn hiệu KIA K3. 01 Căn cước công dân mang tên Chu Văn L. 01 quyển sổ ghi chép kích thước (14,5x10,5)cm. 01 Giấy vay tiền được viết bằng tay, chữ viết bằng mực màu xanh, người viết đề tên là Lang Kiều O.

- Thu giữ của Cù Thị Hồng N: 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 03933000xx. 01 giấy biên nhận thể chấp kèm theo chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 90A-187.xx. 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô biển số 90A-187.xx. 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS và giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô biển số 90A-187.xx. 01 Căn cước công dân mang tên Cù Thị Hồng N. 01 Hợp đồng thuê nhà đề ngày 01/7/2022. 01 quyển sổ có bìa màu vàng gồm 94 tờ giấy A4.

- Thu giữ của Trần Văn Ng: 01 điện thoại POCO C40, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0365.285.7xx. 01 Căn cước công dân mang tên Trần Văn Ng.

Ngày 23/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện B trung cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Nam giám định mức độ tổn hại sức khỏe của chị Lang Kiều O. Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 237/KLTTCT-TTPY ngày 28/6/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam kết luận: “1. Các phần chính: Theo lời khai bị đánh, đá vào vùng đầu, mặt; bầm tím tay trái. Hiện đã ổn định: không quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lang Kiều O tại thời điểm giám định là không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể”.

Quá trình điều tra vụ án, vợ chồng Chu Văn L, Cù Thị Hồng N đã tự nguyện bồi thường cho chị Lang Kiều O số tiền 50.000.000 đồng. Đến nay chị O không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Tại Cáo trạng số 99/CT - VKS - TA ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã: Truy tố Chu Văn L về các tội “*Cướp tài sản*” và “*Giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và điểm e khoản 2

Điều 157 Bộ luật Hình sự. Truy tố Cù Thị Hồng N, Trần Văn Ng về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 và khoản 6 Điều 168; điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Văn L. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Ng. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cù Thị Hồng N. Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự. Các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Chu Văn L phạm các tội “*Cướp tài sản*” và “*Giữ người trái pháp luật*”. Tuyên bố các bị cáo Cù Thị Hồng N và Trần Văn Ng phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Xử phạt bị cáo Chu Văn L từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù. Xử phạt bị cáo Cù Thị Hồng N từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm. Xử phạt bị cáo Trần Văn Ng từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với bị cáo L. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc khóa bằng kim loại màu đen, bạc, tại ổ khóa có cắm một chìa khóa bằng kim loại sáng màu và 01 chiếc dép chân trái bằng nhựa màu vàng nâu là các đồ vật Chu Văn L, Trần Văn Ng sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; 01 chiếc dép chân phải bằng nhựa màu xanh. Lưu làm tài liệu trong hồ sơ vụ án đối với 01 Giấy vay tiền được viết bằng tay, chữ viết bằng mực màu xanh, người viết đề tên là Lang Kiều O, 01 Hợp đồng thuê nhà đề ngày 01/7/2022; 01 quyển sổ ghi chép kích thước (14,5x10,5)cm và 01 quyển sổ có bìa màu vàng gồm 94 tờ giấy A4.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, ông Tình nhất trí với nội dung vụ án như Cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Chị Lang Kiều O làm nhân viên quán hát karaoke cho vợ chồng bị cáo Chu Văn L và bị cáo Cù Thị Hồng N; việc chị O đi hát ở đâu, như thế nào do vợ chồng bị cáo L – N điều động. Do tối ngày 05/4/2023 và rạng sáng ngày 06/4/2023 do chị O tự ý đi chơi mà không xin phép bị cáo L nên L đã bức tức và nảy sinh ý định đánh chị O và đòi tiền chị O còn nợ vợ chồng L trong thời gian làm nhân viên cho vợ chồng L. Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/4/2023 sau khi đón được chị O từ quán hát về nhà trọ ở thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; bị cáo L đã nhiều lần dùng tay tát, cầm dép đập và dùng chân dẫm vào đầu chị Lang Kiều O - sinh ngày 28/9/2005 (là người dưới 18 tuổi) nhằm bắt O phải thanh toán số tiền nợ. Thấy bị cáo L đánh chị O nhiều nên bị cáo N đã can không cho L đánh chị O. Sau đó bị cáo N và chị O đối chiếu sổ ghi và thống nhất số tiền chị O nợ vợ chồng L – N là 27.000.000 đồng. Do lo sợ bị đánh và không thể chống cự nên khi bị cáo L bảo viết giấy nhận nợ thì chị O đã viết giấy nhận nợ theo nội dung mà L đọc. Sau khi chị O viết giấy nhận nợ xong thì N nhớ ra chị O còn nợ một khoản 2.900.000 đồng nữa nên hai bên thống nhất nợ là 29.900.000 đồng và không phải ghi lại giấy nợ.

Do không thấy có người mang tiền đến trả nợ cho chị O như chị O nói với vợ chồng L – N và sợ chị O bỏ trốn nên đến khoảng 15 giờ cùng ngày vợ chồng L – N đã bảo bị cáo Trần Văn Ng trông giữ chị O ở trong phòng. Bị cáo Ng đã khóa cửa phòng lại và ngồi bên ngoài trông. Trong phòng, chị O đã dùng điện thoại nói chuyện bị giữ để đòi tiền cho anh Khiếu Minh T. Anh T đã báo Công an và đến hơn 16 giờ cùng ngày Lực lượng Công an đã giải thoát cho chị O.

Hành vi của đánh chị O để đòi tiền nợ làm chị O lâm vào tình trạng không thể chống cự phải viết giấy nhận nợ và phải nói sẽ có người mang tiền đến trả nợ của bị cáo Chu Văn L đã phạm tội “*Cướp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Xét mặc dù bị cáo N cùng bị cáo L đưa chị O từ quán hát về nơi trọ nhưng N không biết L có ý định đánh chị O để đòi nợ, khi L đánh chị O thì bị cáo N đã can ngăn và không cho L đánh chị O; bị cáo Trần Văn Ng không biết và không tham gia vào việc L đánh đòi tiền chị O do vậy N và Ng không đồng phạm với L về tội “*Cướp tài sản*”.

Hành vi chỉ đạo bị cáo Trần Văn Ng giữ chị O để buộc chị O trả tiền nêu trên của vợ chồng bị cáo Chu Văn L, bị cáo Cù Thị Hồng N và hành vi khóa cửa giữ chị O từ khoảng 15 giờ ngày 06/4/2023 đến khoảng hơn 16 giờ ngày 06/4/2023 theo chỉ đạo của L – N nêu trên của bị cáo Trần Văn Ng đã phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*” với tình tiết định khung hình phạt “*Đối với người dưới 18 tuổi*” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Chu Văn L và bị cáo Cù Thị Hồng N được hưởng tình tiết “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*đang một mình nuôi con nhỏ và là lao động chính trong gia đình*”; bị cáo Ng được hưởng tình tiết “*đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự*”; tất cả được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, bị cáo Chu Văn L chịu trách nhiệm độc lập về tội “*Cướp tài sản*”.

Đối với tội “*Giữ người trái pháp luật*”; xét bị cáo Chu Văn L và bị cáo Cù Thị Hồng N trực tiếp chỉ đạo bị cáo Trần Văn Ng thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật đối với chị Lang Kiều O do đó L và N giữ vai trò thứ nhất, Ng giữ vai trò thứ hai.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo L đã xâm phạm đến quyền nhân thân và quan hệ sở hữu tài sản của người khác; các bị cáo cùng thực hiện hành vi xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác.

Xét bị cáo L phạm một lúc hai tội; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù; cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét bị cáo Ng mặc dù thực hiện hành vi phạm tội theo chỉ đạo của bị cáo L, bị cáo N; tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực do vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù; cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét bị cáo N là vợ bị cáo L nên có phần phụ thuộc vào ý chí phạm tội của bị cáo L. Bị cáo L đã bị áp dụng hình phạt tù nên hiện tại bị cáo N là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi 02 con nhỏ, gồm một cháu 4 tuổi và một cháu 2 tuổi; bị cáo N được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình và có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần tuyên một mức án tù tương xứng với hành vi phạm tội và cho bị cáo được hưởng án treo là đủ để răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo; thể hiện tính nhân văn của pháp luật.

Khi thảo luận, Hội đồng xét xử đã xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án; nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được hưởng để quyết định mức hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện kinh tế của bị cáo Chu Văn L, Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền về tội “*Cướp tài sản*”.

Đối với tội “*Giữ người trái pháp luật*” do các bị cáo làm nghề tự do vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với tất cả các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc khóa bằng kim loại màu đen, bạc, tại ổ khóa có cắm một chìa khóa bằng kim loại sáng màu và 01 chiếc dép chân trái bằng nhựa màu vàng nâu là các đồ vật Chu Văn L, Trần Văn Ng sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; 01 chiếc dép chân phải bằng nhựa màu xanh không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét đây là những vật không có giá trị, không có bị cáo nào đề nghị lấy lại chiếc dép phải do vậy tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 Giấy vay tiền được viết bằng tay, chữ viết bằng mực màu xanh, người viết đề tên là Lang Kiều O, 01 Hợp đồng thuê nhà đề ngày 01/7/2022 đã được đánh số bút lục trong hồ sơ vụ án; 01 quyển sổ ghi chép kích thước (14,5x10,5)cm và 01 quyển sổ có bìa màu vàng gồm 94 tờ giấy A4. Xét đây là các tài liệu liên quan đến vụ án nên lưu lại trong hồ sơ vụ án.

* Về xử lý các đồ vật, tài sản, tài liệu liên quan đã thu giữ: Quá trình điều tra vụ án xác định: 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 03628583xx và 01 Căn cước công dân mang tên Chu Văn L là tài sản, giấy tờ cá nhân hợp pháp của Chu Văn L; 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 03933000xx và 01 Căn cước công dân mang tên Cù Thị Hồng N là tài sản, giấy tờ cá nhân hợp pháp của Cù Thị Hồng N; 01 xe ô tô BKS 90A-187.xx, nhãn hiệu KIA K3 cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô là tài sản hợp pháp của vợ chồng Chu Văn L, Cù Thị Hồng N; 01 điện thoại POCO C40, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0365.285.7xx và 01 Căn cước công dân mang tên Trần Văn Ng là tài sản, giấy tờ cá nhân hợp pháp của Trần Văn Ng. Xét các đồ vật, tài sản, tài liệu này không liên quan đến vụ án do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bị cáo Chu Văn L, Cù Thị Hồng N đã tự nguyện bồi thường cho chị Lang Kiều O số tiền 50.000.000 đồng. Chị O đã nhận tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự trong vụ án do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 6 Điều 168; điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Văn L.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Ng.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cù Thị Hồng N.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự. Các điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. - Tuyên bố bị cáo Chu Văn L phạm các tội “*Cướp tài sản*” và “*Giữ người trái pháp luật*”.

- Tuyên bố các bị cáo Cù Thị Hồng N và Trần Văn Ng phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

2. - Xử phạt bị cáo Chu Văn L **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”; **03** (ba) năm tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Chu Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (06/4/2023).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Ng **02** (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (06/4/2023).

- Xử phạt bị cáo Cù Thị Hồng N **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (năm) năm kể từ ngày tuyên án (22/12/2023).

Giao bị cáo Cù Thị Hồng N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách của án treo; bị cáo N phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Nếu bị cáo N vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; phạt bị cáo Chu Văn L nộp sung ngân sách nhà nước 5.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: Đối với 01 chiếc khóa bằng kim loại màu đen, bạc KT (9,5x6,5x2,3)cm, một mặt có chữ nổi “*Việt - Tiệp*”, một mặt có chữ nổi “*LOCK*”, tại ổ khóa có cắm một chìa khóa bằng kim loại sáng màu, có chữ

nổi “Việt - Tiệp” và 01 chiếc dép chân trái bằng nhựa màu vàng nâu KT (23,5x9)cm, mặt trên có chữ nổi “VIP”, mặt đế dép có chữ “37-38” là các đồ vật Chu Văn L, Trần Văn Ng sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; 01 chiếc dép chân phải bằng nhựa màu xanh KT (24x9,5)cm, mặt trên có chữ nổi “VIP”, mặt đế dép có chữ “VC38”.

Vật chứng và đồ vật tạm giữ được xác định theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/11/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Chu Văn L, Cù Thị Hồng N và Trần Văn Ng; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai; báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người bị hại – chị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND các xã: B, A và N, huyện B;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)